

Bản án số: 79/2017/DS-PT

Ngày: 15-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Chức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS- ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:94/2017/QĐ-PT ngày 15/11/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 101/2017/QĐ – PT ngày 23/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ong Thị T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Văn phòng luật sư HL, số 9, đường HVT, phường NQ, TP. H, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: đường NVC, phường TP, TP. H, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ong Thị T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Văn phòng luật sư HL, số 9, đường HVT, phường NQ, TP. H, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Lan A1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường NVC, phường TP, TP. H, tỉnh Bắc Giang.

3.3. Ông Dương Thanh X1, sinh năm 1955 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà H1-12, Khu tập thể ĐC, phường LL, thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

3.4. Ông Hoàng Hữu T2, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã LM, huyện L3, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Văn B1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, Anh Nguyễn Thành L1 cũng như đại diện theo ủy quyền của anh L1 là bà Ong Thị T1 trình bày: Anh và ông B1 là có quen biết từ khoảng 2 năm trước, ngày 05/02/2015 lần đầu tiên anh cho ông B1 vay tiền. Khi vay ông B1 có hẹn anh ba tháng sau sẽ trả, anh yêu cầu ông B1 phải thế chấp tài sản anh mới cho vay tiền. Anh và ông B1 có thỏa thuận lãi suất miệng nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Sau ba tháng anh có đòi tiền ông B1 nhiều lần nhưng ông B1 không trả. Những lần anh đến cơ quan và đến nhà đòi tiền ông B1 anh không lập giấy tờ gì. Số tiền anh cho ông B1 vay là tài sản chung của vợ chồng anh. Anh yêu cầu Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Nguyễn Thị Lan A1 phải trả anh 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 05/7/2016 là 25.500.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tạm tính là 225.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Ong Thị T1 là đại diện theo ủy quyền của anh L1 trình bày: Số tiền anh L1 cho ông B1 vay là anh L1 chuyển vào tài khoản của Ông Dương Thanh X1. Ngày 11/11/2016, ông B1 đã trả cho anh L1 số tiền 70.000.000 đồng và tại nhà ông X1 các bên có viết giấy xác nhận, ông B1 có hẹn anh L1 sau một tháng sẽ trả số tiền 130.000.000 đồng. Do ông B1 đã trả được cho anh L1 70.000.000 đồng, nay anh L1 yêu cầu ông B1 trả số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 05/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo bị đơn Ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Giấy vay tiền ngày 05/02/2015 là do ông viết và ký tên, tuy nhiên diễn biến sự việc như sau: Ngày 05/02/2015 khi ông gặp anh L1, anh L1 cho ông biết là chị của anh L1 ở L3 có tiền cho vay, trong khi ông không vay được tiền Ngân hàng nên ông đồng ý nhờ anh L1 vay tiền hộ. Ông và anh L1 không quen biết trước, chỉ nghe nói anh L1 là con của cán bộ xã BS mà ông biết.

Khi viết giấy vay tiền ngày 05/02/2015 ông hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, ông viết giấy là tự nguyện, không ai ép buộc. Cùng với giấy vay tiền ngày 05/02/2015, ông có đưa cho anh L1 giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông tại thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang để làm tin. Mục đích ông viết vay số tiền 200 triệu đồng để dự định kinh doanh nuôi cá. Ông và anh L1 không thỏa thuận về lãi suất vì chưa có việc vay nợ. Sau khi ông viết giấy vay tiền thì anh L1 chưa đưa tiền cho ông. Anh L1 nói là để anh L1 mang giấy vay tiền ông viết về vay tiền chị của anh L1 ở L3, sau khi vay được tiền anh L1 sẽ đưa tiền cho ông. Nhưng đến nay anh L1 chưa đưa tiền cho ông. Ông có nhiều lần đòi anh L1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có giấy tờ gì nên không đòi được. Giấy vay tiền ngày 05/02/2015 ông chỉ viết một bản và đưa cho anh L1. Khi ông viết giấy vay tiền và đưa cho anh L1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai chứng kiến, chỉ có ông và anh L1.

Về yêu cầu khởi kiện của anh L1 đòi ông số tiền 200 triệu đồng và tiền lãi ông không đồng ý. Ông yêu cầu anh L1 phải trả lại ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông tại thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang còn về số tiền viết trong giấy vay nợ ông chưa nhận được nên ông không có yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B1 thừa nhận đã trả cho ông L1 số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng theo như giấy xác nhận các bên ký và viết tại nhà Ông Dương Thanh X1 ngày 11/11/2016, lý do ông ký vào giấy xác nhận ngày 11/11/2016 là để anh L1 rút đơn khởi kiện tại Tòa án và ông rút đơn tại Công an huyện LN.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan A1 trình bày: Bà và ông B1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Bà và ông B1 là vợ chồng và hiện sống chung tại số 10, đường NVC, phường TP, TP. H, tỉnh Bắc Giang.

Bà kinh doanh còn ông B1 làm việc tại cơ quan nhà nước nên bà không rõ việc ông B1 kinh doanh ngoài như thế nào. Ông B1 vay tiền của anh L1 bà không biết, bà không biết anh L1 là ai. Đến khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án bà mới biết sự việc. Bà không được bàn bạc, không được biết về việc ông B1 vay tiền anh L1. Bà không được sử dụng số tiền ông B1 vay của anh L1, bà cũng không biết ông B1 sử dụng tiền vay như thế nào. Ông B1 nói với bà là ông B1 chưa nhận được tiền vay còn cụ thể thế nào thì bà không rõ. Gia đình bà có ao, hồ hiện tại đang cho em bà thuê chứ chưa nuôi cá kinh doanh. Trên diện tích đất của vợ chồng bà tại thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang mà anh L1 đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà chưa làm gì, chỉ trồng cây, trên đất không có công trình xây dựng nào. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do ông B1 giữ.

Về yêu cầu khởi kiện của ông L1 đòi bà và ông B1 phải trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi bà không đồng ý. Bà không có liên quan gì đến việc vay nợ này.

+ Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa bà Ong Thị T1 với tư cách là đại diện theo ủy quyền của Chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Nhất trí với ý kiến của anh L1 đã trình bày.

+ Ông Dương Thanh X1 trình bày: Ông và ông B1 làm cùng cơ quan với nhau, ông không biết anh L1 và anh T2 là ai.

Ngày 11/11/2016 tại gia đình ông có ông, ông B1, anh L1 và anh Trần Văn S1 là bạn của anh L1, ông là người trực tiếp viết giấy xác nhận ngày 11/11/2016. Nội dung giấy xác nhận thể hiện anh L1 có chuyển tiền vào tài khoản của ông số tiền 200.000.000 đồng, sau khi ông B1 viết giấy vay tiền anh L1 và anh B1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B1 cho anh L1, ông đã rút tiền trong tài khoản đưa cho ông B1 để thực hiện giao dịch, còn giao dịch gì ông không biết. Ông B1 có trả được anh L1 số tiền 70.000.000 đồng, ngày viết giấy xác nhận ông B1 còn nợ anh L1 130.000.000 đồng.

Ông không được thụ hưởng số tiền đã chuyển vào tài khoản của ông, nhưng ngày 19/01/2017 ông có viết giấy xác nhận với nội dung “*số tiền chuyển vào tài khoản của tôi. Do Lâm chuyển. Tôi sẽ có trách nhiệm thanh toán*” với mục đích để tránh cho vợ chồng ông B1, bà Lan A1 mâu thuẫn, cãi nhau về số tiền này.

Ông đề nghị Tòa án không triệu tập ông đến làm việc, đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt ông. Ông giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

+ Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Hoàng Hữu T2 trình bày: Anh là em rể của Anh Nguyễn Thành L1, anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh không có ý kiến gì, anh đề nghị Tòa án không phải hòa giải.

Ngày 05/02/2015 anh L1 có nhờ anh chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của Ông Dương Thanh X1, anh nghe anh L1 nói là cho Ông Nguyễn Văn B1 vay nhưng chuyển qua tài khoản của Ông Dương Thanh X1. Anh có chuyển số tiền trên qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện LN, phí chuyển tiền hết 60.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên kể cả phí chuyển tiền là của anh L1 đưa cho anh, anh không quen biết gì ông X1 và ông B1.

Tòa án có thông báo cho anh những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh không có ý kiến gì. Ngoài giấy chuyển tiền vào tài khoản, anh L1 đã nộp cho Tòa án, anh không có tài liệu gì nộp cho Tòa án.

Anh xin phép vắng mặt trong tất cả phiên tòa và phiên hòa giải của Tòa án, anh giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27 /2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227 Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Ông Nguyễn Văn B1 phải trả cho Anh Nguyễn Thành L1 và bà Nguyễn Thị Hiền số tiền 166.187.500 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó số tiền gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 36.187.500 đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B1 phải chịu 8.309.375 đồng án phí DSST. Hoàn trả Anh Nguyễn Thành L1 số tiền 5.637.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/003368, ngày 26 tháng 7 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi xuất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 25 tháng 8 năm 2017, bị đơn Ông Nguyễn Văn B1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo trình bày:

Ông không đồng ý với bản án sơ thẩm xử vì ông yêu cầu có tất cả người liên quan đến để đối chất nhưng không tiến hành đối chất. Anh L1 lừa ông viết giấy vay tiền và đưa sổ đỏ cho anh L1 để anh L1 mang đi hỏi vay tiền cho ông. Từ đó đến nay anh L1 không đưa tiền cho ông như đã thỏa thuận cũng không trả ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh L1 lừa đảo ông chứ thực tế ông không vay tiền của anh L1. Việc anh L1 kiện đòi tiền ông nhưng không bao giờ đến Tòa án để ông và anh L1 đối chất trực tiếp chứng tỏ anh L1 lừa đảo ông.

Vì ông X1 đã thừa nhận nhận tiền của anh L1 chuyển vào tài khoản của ông X1 và đã hứa có trách nhiệm trả tiền cho anh L1, nên ông không liên quan gì đến khoản tiền anh L1 kiện ông. Ông yêu cầu anh L1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh L1 đang giữ cho ông.

Bà Ong Thị T1 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Không đồng ý với ý kiến kháng cáo của bị đơn ông B1. Việc ông B1 vay tiền của anh L1 đã được làm rõ tại quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm. Việc ông B1 vay tiền anh L1 thể hiện qua giấy biên nhận nợ của ông B1 đề ngày 05/02/2015 và giấy nhận nợ ngày 11/11/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng qui định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung:

Việc ông B1 nợ tiền anh L1 được thể hiện rõ ràng trong giấy biên nhận vay tiền ngày 05/2/2015 và biên bản nhận nợ ngày 01/11/2016 có chữ ký của Ông Nguyễn Văn B1 vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B1. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cho rằng Ông Nguyễn Văn B1 nợ tiền của Anh Nguyễn Thành L1 không trả, anh L1 khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông B1 trả nợ số tiền đã vay. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Ông Nguyễn Văn B1 cho rằng ông không nhận được tiền vay từ Anh Nguyễn Thành L1 nên không đồng ý với bản án sơ thẩm xử buộc ông phải trả tiền cho anh L1 thấy:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 05/2/2015 ông B1 có viết giấy vay nợ anh L1 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B1 thừa nhận mình viết giấy vay tiền này trong trạng thái tinh thần bình thường, không bị ai cưỡng ép, đe dọa, lừa dối. Tuy vậy, ông cho rằng anh L1 sau đó không đưa tiền cho ông vay như đã thỏa thuận nhưng tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 11/11/2016 giữa anh L1, ông X1, ông B1 có viết một biên bản ghi nhận việc ông X1 đã giao cho ông B1 số tiền 200.000.000 đồng của anh L1 chuyển vào tài khoản của ông X1 để ông X1 giao cho ông B1 như vậy có căn cứ khẳng định Ông Nguyễn Văn B1 đã nhận được số tiền 200.000.000 đồng vay của Anh Nguyễn Thành L1 như đã thỏa thuận.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B1 đã tự nguyện trả cho anh L1 70.000.000 đồng còn nợ 130.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm xử buộc ông B1 trả cho anh L1 130.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn B1 cho rằng ông không nợ Anh Nguyễn Thành L1 số tiền 130.000.000 đồng

[3] Tuy vậy, Trong quá trình giải quyết vụ án ông B1 yêu cầu anh L1 trả lại ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông là tài sản ông thế chấp cho anh L1 để vay tiền ngày 05/02/2015. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản nên không giải quyết là không có căn cứ. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có liên quan trực tiếp tới hợp đồng vay tài sản giữa ông B1 với anh L1. Do vậy, cần chấp nhận phần kháng cáo này của ông B1 về nội dung này, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, buộc Anh Nguyễn Thành L1 trả lại cho Ông Nguyễn Văn B1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông B1 mà anh L1 giữ để cho vợ chồng ông B1 vay tiền.

[4] Vì kháng cáo được chấp nhận một phần, sửa bản án sơ thẩm nên Ông Nguyễn Văn B1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông B1 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Văn B1 sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
Xử:

1. Buộc Ông Nguyễn Văn B1 phải trả cho Anh Nguyễn Thành L1 và bà Nguyễn Thị Hiền số tiền 166.187.500 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó số tiền gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 36.187.500 đồng.

2. Buộc Anh Nguyễn Thành L1 phải trả cho Ông Nguyễn Văn B1, Bà Nguyễn Thị Lan A1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL784015, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00937 ngày 26/12/2007.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thành L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Anh Nguyễn Thành L1 số tiền 5.637.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2010/003368, ngày 26 tháng 7 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Ông Nguyễn Văn B1 phải chịu 8.309.375 đồng án phí DSST.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Ông Nguyễn Văn B1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06334 ngày 31/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tp H;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Hiền